

Số: 1574/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hỗ trợ kinh phí xây dựng cơ bản thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của các tỉnh, thành phố giai đoạn 2023 - 2030.

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 9866/BKHĐT-KTĐPLT ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc bổ sung kinh phí thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã giai đoạn 2023-2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung 258,5 tỷ đồng (hai trăm năm mươi tám tỷ, năm trăm triệu đồng) từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2024 cho 33 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Tuyên Quang, Lạng Sơn, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Bắc Giang, Sơn La, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk, Gia Lai, Lâm Đồng, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Cần Thơ, Sóc Trăng, An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Cà Mau) để hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 như đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản nêu trên (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Triển khai thực hiện vốn bổ sung từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2024:

1. Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ngân sách trung ương hỗ trợ một lần cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nhận bổ sung cân đối ngân sách với định mức hỗ trợ: 20,0 tỷ đồng cho mỗi đơn vị hành chính cấp huyện giảm và 500 triệu đồng cho mỗi đơn vị hành chính cấp xã giảm.

2. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và nguồn hỗ trợ của ngân sách trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể các nhiệm vụ chi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương. Trường hợp địa phương quyết định sử dụng khoản hỗ trợ để bổ sung nguồn vốn đầu tư công thì trình tự, thủ tục đầu tư dự án thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm phân bổ và sử dụng số kinh phí được bổ sung nêu trên bảo đảm tuân thủ quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan, đúng mục đích sử dụng, tiết kiệm, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí, tiêu cực; sử dụng nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ cùng với nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để phục vụ việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

4. Thời gian thực hiện và giải ngân số vốn được bổ sung tại Điều 1 nêu trên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác của các nội dung, số liệu báo cáo, đề xuất nêu trên, bảo đảm đúng quy định pháp luật.

6. Giao Bộ Nội vụ tiếp tục rà soát, tổng hợp danh sách các địa phương đã thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã giai đoạn 2023-2025 thuộc đối tượng hỗ trợ kinh phí từ ngân sách trung ương theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (nhưng chưa được hỗ trợ đợt này), gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan đề xuất, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo đúng quy định.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Bộ trưởng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tại Điều 1 nêu trên và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

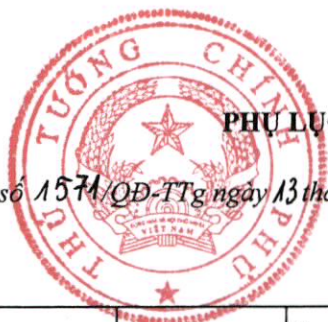
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTgCP, các PTTg;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg;
Các Vụ: NC, QHĐP, TH;
- Lưu: VT, Vụ KTTH (3). B₁₀

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Hòa Bình



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1571/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tỉnh, thành phố	Tổng số	Trong đó:			
			Số huyện giảm	NSTW	Số xã giảm	NSTW
	Tổng	258.500	6	120.000	277	138.500
I	Miền núi phía Bắc					
1	Tuyên Quang	500			1	500
2	Lạng Sơn	3.000			6	3.000
3	Lào Cai	500			1	500
4	Yên Bái	2.500			5	2.500
5	Phú Thọ	9.000			18	9.000
6	Bắc Giang	8.500			17	8.500
7	Sơn La	2.000			4	2.000
II	Đồng bằng sông Hồng					
8	Hà Nam	5.500			11	5.500
9	Nam Định	45.500	1	20.000	51	25.500
10	Thái Bình	9.000			18	9.000
III	Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung bộ					
11	Thanh Hóa	26.000	1	20.000	12	6.000
12	Nghệ An	44.000	1	20.000	48	24.000
13	Hà Tĩnh	23.500	1	20.000	7	3.500
14	Quảng Bình	3.000			6	3.000
15	Quảng Trị	3.000			6	3.000
16	Thừa Thiên Huế	4.000			8	4.000
17	Bình Định	2.000			4	2.000
18	Phú Yên	2.000			4	2.000
19	Ninh Thuận	1.500			3	1.500
20	Bình Thuận	1.500			3	1.500
IV	Tây Nguyên					
21	Đắk Lắk	2.000			4	2.000
22	Gia Lai	1.000			2	1.000
23	Lâm Đồng	42.500	2	40.000	5	2.500
V	Đồng bằng sông Cửu Long					
24	Tiền Giang	4.000			8	4.000
25	Bến Tre	4.500			9	4.500
26	Trà Vinh	1.000			2	1.000
27	Vĩnh Long	2.500			5	2.500
28	TP Cần Thơ	1.500			3	1.500
29	Sóc Trăng	500			1	500
30	An Giang	500			1	500
31	Đồng Tháp	1.000			2	1.000
32	Kiên Giang	500			1	500
33	Cà Mau	500			1	500